UBND XÃ NGHĨA LÂM
TRƯỜNG TH NGHĨA LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/KH-THNL

Nghĩa Lâm, ngày 01 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2026-2027

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào (GD&ĐT) tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT);

Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Ban hành điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Hướng dẫn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ GD&ĐT tạo về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT năm học 2025-2026;

Công văn số 455/SGDĐT-GDTH ngày 13/8/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cấp tiểu học;

Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học;

Công văn số:3543 /SGDĐT-GDTH ngày 28/8/2026 về việc hướng dẫn tổ chức dạy và học môn Ngoại ngữ 1 cấp tiểu học từ năm học 2026-2027;

Công văn số 4069 /BGDĐT-GDPT ngày 1/7/2026 về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn;

Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/03/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức HĐGD STEM trong giáo dục Tiểu học;

Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học;

Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện GDKN công dân số ở cấp tiểu học;

Công văn số 3481/SGDĐT-GDTH ngày 26/8/2026 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học từ năm học 2026-2027;

Công văn số 3483/SGDĐT-GDTH ngày 26/8/2026 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức các hoạt động chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3032/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 (điều chỉnh, bổ sung sau sắp xếp trường học);

Căn cứ vào Kế hoạch dạy học của các tổ chuyên môn;

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường, trường Tiểu học Nghĩa Lâm xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026-2027.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2026-2027

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

1.1. Thuận lợi

Trường Tiểu học Nghĩa Lâm được thành lập trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Nghĩa Lâm, trường sáp nhập từ Trường Tiểu học Nghĩa Hải, Trường Tiểu học Nghĩa Hùng và Trường Tiểu học Nghĩa Lâm, theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND xã Nghĩa Lâm (Từ 01/9/2026). Đây là 3 cơ sở giáo dục có chất lượng tương đối cao và ổn định. Khi sáp nhập thế mạnh của nhà trường càng được phát huy, giải quyết được sự thừa thiếu giáo viên cục bộ trong mỗi điểm trường. Việc sáp nhập đánh dấu một bước phát triển mới trong quá trình xây dựng và hoàn thiện mạng lưới giáo dục của địa phương, tạo điều kiện để tập trung nguồn lực, phát huy thế mạnh của các đơn vị trước đây, đồng thời xây dựng một môi trường giáo dục thống nhất, đoàn kết và hiệu quả.

Sau sáp nhập, Trường Tiểu học Nghĩa Lâm tổ chức hoạt động tại các cơ sở, điểm trường trên địa bàn xã, trong đó có:

Điểm trường chính - Thôn Nghĩa Hải

Địa chỉ: Thôn Nghĩa Hải, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình

Phân hiệu 1 – Thôn Văn Lâm

Địa chỉ: Thôn Văn Lâm, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình.

Phân hiệu 2 – Thôn Văn Giáo

Địa chỉ: Thôn Văn Giáo, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình.

Điểm trường 1 – Thôn Ngọc Lâm

Địa chỉ: Thôn Ngọc Lâm, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình.

Điểm trường 2 – Thôn Ân Phú

Địa chỉ: Thôn Ân Phú, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình.

Điểm trường 3 – Thôn Phú Cường

Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình.

(Hiện tại không tổ chức cho học sinh học tập tại điểm trường này)

Điểm trường 4 – Thôn Sỹ Lâm

Địa chỉ: Thôn Sỹ Lâm, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình.

Các điểm trường, phân hiệu là những không gian học tập gần gũi với học sinh ở từng khu dân cư, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để các em được học tập trong môi trường an toàn, thân thiện và phù hợp.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ tích cực, tạo mọi điều kiện của Đảng uỷ, UBND cũng như của các ban ngành, đoàn thể xã Nghĩa Lâm. Trong những năm qua Đảng bộ, Chính quyền địa phương đã quan tâm nâng cấp, sửa chữa, làm mới cơ sở vật chất cho nhà trường; Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể, cùng chung tay với nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục.

Điểm trường chính nằm ở khu trung tâm của xã, gần trụ sở UBND, trình độ dân trí, kinh tế tương đối cao hơn các điểm trường khác nên đa số phụ huynh quan tâm, ủng hộ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Phong trào xây dựng nông thôn mới nâng cao ở địa phương có tác động thúc đẩy nhà trường phát triển.

1.2. Khó khăn

Trường nhiều phân hiệu và điểm trường và số học sinh đông tỉ lệ theo đạo Thiên chúa giáo cao, các điểm trường nằm cách nhau khá xa nên việc đi lại quản lí các điểm trường gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận không nhỏ cha mẹ học sinh đi làm ăn xa, làm công ty, buôn bán nên sự quan tâm, phối kết hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục học sinh khó sâu sát thường xuyên được.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường

2.1. Đặc điểm học sinh của trường (thời điểm 03/9/2026)

Quy mô trường lớp ổn định, duy trì phổ cập tiểu học đúng độ tuổi mức 3

a) Trường chính

Lớp	Số học sinh	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tôn giáo	Nữ tôn giáo	Lưu ban	Nữ lưu ban	GĐ chính sách	Hs học 2 buổi/ ngày	Tỉ lệ HS/lớp
1A1	41	19	0	0						41	37,6
1A2	39	22	0				0	0	0	39	
1A3	40	20	0				0	0	0	40	
1A4	43	25	0				1	0		43	
1A5	25	7	0				2	1	0	25	
K1 trường	188	93					3	1	0	188	

Lớp	Số học sinh	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tôn giáo	Nữ tôn giáo	Lưu ban	Nữ lưu ban	GĐ chính sách	Hs học 2 buổi/ ngày	Tỉ lệ HS/lớp
chính (5 lớp)											
2A1	32	13	0		30	15	0	0	0	32	31,5
2A2	**33**	13	0	0	16	8	0	0	1	**33**	
2A3	29	15	0		18	7	0		0	29	
2A4	32	16	0	0	28	13	0	0	0	32	
2A5	30	16	0	0	26	13	0	0	1	30	
2A6	33	17	0		9	4	0	0	0	33	
K2 trường chính (6 lớp)	189	90	0	0	127	60	0	0	2	189	
3A1	38	12	0		19	6	1	0	2	38	37,5
3A2	39	22			32	18	0	0	0	39	
3A3	40	20			30	13				40	
3A4	34	20	0		7	4	0	0	0	34	
3A5	33	16	0		21	11	0	0	0	33	
3A6	41	29	0		7	6	0	0	0	41	
K3 trường chính (6 lớp)	225	119	0		116	58	1	0	2	225	
4A1	30	14	0		15	6	0	0	0	30	34,6
4A2	34	15	0		25	8	0	0	0	34	
4A3	33	17	0		18	9				33	
4A4	39	18	0		25	9	0	0	0	39	
4A5	37	19	0	0	16	14	0	0	~~1~~	37	
4A6	35	15	0	0	23	11	0	0	~~0~~	35	
K4 trường chính (6 lớp)	208	98	0	0	122	57	0	0	~~1~~	208	
5A1	36	10	0		18	9	0	0	~~0~~	36	34,8
5A2	35	24	0		25	15			-	35	
5A3	38	23	0		27	8		0	~~0~~	38	
5A4	31	15	0		5	3	0	0	~~2~~	31	
5A5	35	17	0	0	14	8	0	0	~~0~~	35	
5A6	34	18	0	0	25	16	0	0	~~0~~	34	
K5 trường chính (6 lớp)	209	107	0	0	114	59	0	0	~~2~~	209	
Tổng trường chính (29 lớp)	1019	507			479	234	4	1	7	1019	35,1

b) Phân hiệu 2

Lớp	Số học sinh	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tôn giáo	Nữ tôn giáo	Lưu ban	Nữ lưu ban	GĐ chính sách	Hs học 2 buổi/ ngày	Tỉ lệ HS/lớp
1B1	33	18	0	0	5	2	0	0	0	33	34
1B2	36	18	0	0	30	14	0	0	0	36	
1B3	33	15	0	0	33	15	1	1	0	33	
K1 phân hiệu 2 (3 lớp)	102	51	0	0	68	31	1	1	0	102	
2B1	33	20	0	0	33	20	0	0	0	33	32,3
2B2	31	20	0	0	31	20	0	0	0	31	
2B3	33	17	0	0	33	17	0	0	0	33	
K2 phân hiệu (3 lớp)	97	57	0	0	97	57	0	0	0	97	
3B1	27	15	0	0	27	15	1	0	0	27	30,3
3B2	33	14	0	0	33	14	0	0	0	33	
3B3	31	16	0	0	31	16	1	0	0	31	
K3 phân hiệu 2 (3 lớp)	91	45	0	0	91	45	2	0	0	91	
4B1	38	17	0	0	38	17	0	0	0	38	38,6
4B2	38	13	0	0	38	13	1	0	0	38	
4B3	40	21			40		1	0	0	40	
K4 phân hiệu (5 lớp)	116	51	0	0	116	30	2	0	0	116	
5B1	32	16	0	0	32	16	0	0	0	32	31,6
5B2	31	13	0	0	31	13	0	0	0	31	
5B3	32	12	0	0	32	12	0	0	0	32	
K5 phân hiệu (3lớp)	95	41	0	0	95	41	0	0	0	95	
Tổng phân hiệu (15 lớp)	501	245			467	204	5	1		501	33,4

c) Phân hiệu 1

Lớp	Số học sinh	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tôn giáo	Nữ tôn giáo	Lưu ban	Nữ lưu ban	GĐ chính sách	Hs học 2 buổi/ ngày	Tỉ lệ HS/lớp
1C1	31	12	0	0			1		0	31	30,5
1C2	30	13		0			1	1	0	30	
K1 phân hiệu 1 (2 lớp)	61	25	0	0			2	1	0	61	
2C1	28	10	1	1			0	0	0	28	28
2C2	27	13	0	0						28	
2C3	29	13	0	0	5	3				29	
K2 phân hiệu1 (3 lớp)	84	36	1	1	5	3	0	0	0	85	

3C1	35	16	0	0			0	0	1	35	35
3C2	35	19	0	0			0	0	1	35	
K3 phân hiệu1 (2 lớp)	70	35	0	0			0	0	2	70	
4C1	40	19	0	0			0	0		40	26,3
4C2	39	21	0				1			39	
K4 phân hiệu1 (2 lớp)	79	40	0	0			1	0		79	
5C1	39	18	0	0	39	18	0	0	1	39	27
5C2	42	23	1	0	42	23	0	0	2	42	
K5 phân hiệu (2lớp)	81	41	1	0	81	41	0	0	3	81	
Tổng phân hiệu (11lớp)	375	177	2	1	86	44	3	1	5	375	

d) Tổng toàn trường

Lớp	Số học sinh	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Tôn giáo	Nữ tôn giáo	Lưu ban	Nữ lưu ban	GĐ chính sách	Hs học 2 buổi/ ngày	Tỉ lệ HS/lớp
K1 trường chính (5lớp)	188	93					3	1	0	188	
K1 phân hiệu 1 (2lớp)	61	25	0	0			2	1	0	61	
K1 phân hiệu 2 (3lớp)	102	51	0	0	68	31	1	1	0	102	
Tổng K1 (10 lớp)	351	169	0	0	68	31	6	3	0	351	
K2 trường chính (6 lớp	189	90	0	0	127	60	0	0	2	189	
K2 phân hiệu 1 (3 lớp)	84	36	1	1	5	3	0	0	0	85	
K2 phân hiệu 2 (3 lớp)	97	57	0	0	97	57	0	0	0	97	
Tổng K2 (12 lớp)	370	183	1	1	229	120	0	0	2	370	
K3 trường chính (6 lớp)	225	119	0		116	58	1	0	2	225	
K3 phân hiệu1 (2 lớp)	70	35	0	0			0	0	2	70	
K3 phân hiệu 2 (3lớp)	91	45	0	0	91	45	2	0	0	91	
Tổng K3 (11 lớp)	386	199	0	0	207	103	3	0	4	386	
K4 trường chính (6 lớp)	208	98	0	0	122	57	0	0	1	208	
K4 phân hiệu 1(2lớp)	79	40	0	0			1	0		79	
K4 phân hiệu 2 (3lớp)	116	51	0	0	116	30	2	0	0	116	

Tổng K4 (11 lớp)	403	189	0	0	238	87	3	0	1	403	
K5 trường chính (6lớp)	209	107	0	0	114	59	0	0	2	209	
K5 phân hiệu1 (2lớp)	81	41	1	0	81	41	0	0	3	81	
K5 phân hiệu 2(3lớp)	95	41	0	0	95	41	0	0	0	95	
Tổng K5 (11 lớp)	385	189	1	0	290	141	0	0	5	385	
Tổng trường chính (29 lớp)	1019	507			479	234	4	1	7	1019	
Tổng phân hiệu 1 (11 lớp)	375	177	2	1	86	44	3	1	5	375	
Tổng phân hiệu 2 (15 lớp)	501	245			467	204	5	1	5	501	
Tổng toàn trường (55 lớp)	**1895**	**929**	**2**	**1**	**1032**	**482**	**12**	**3**	**17**	**1895**	**34,5**

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, CBQL

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của nhà trường luôn nhiệt tình, năng động, sáng tạo trong cách chỉ đạo và quản lý thực hiện các hoạt động. Có GV văn hoá và giáo viên chuyên là giáo viên cốt cán nên việc hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong việc đổi mới phương pháp dạy học và thực hiện CTGDPT 2018 có nhiều thuận lợi.

Năm học 2026-2027, tổng số cán bộ, giáo viên là: 91, trong đó:

+ Giáo viên văn hoá: 61 (Trong đó có 2 hợp đồng)

+ Giáo viên dạy các môn chuyên: (Âm nhạc: 3 ; Tiếng Anh: 6 ; GDTC: 05, Mĩ thuật: 04; Tin học: 04)

Tỷ lệ GV/ lớp: 81 GV/ 55lớp = 1.47 (Tổng 84 GV trừ 2 hợp đồng)

STT	**CB-GV-NV**	**Tổng số**	**Nữ**	**ĐV**	**Trình độ**				**Hợp đồng (*Trong tổng số*)**	**Số lượng cần bổ sung**
					Thạc sĩ	**ĐH**	**CĐ**	**TC**		
1	**CBQL**	**3**	**1**	**3**		**3**				
	Hiệu trưởng	1	1	1		1				
	Phó Hiệu trưởng	2		2		2				
2	**GIÁO VIÊN**	**84**	74			**58**	**24**		**2**	
	GV văn hóa	61	60			39	23		(2 HĐ)	
	GV Âm nhạc	3	3			3				

STT	CB-GV-NV	Tổng số	Nữ	ĐV	Trình độ				Hợp đồng (*Trong tổng số*)	Số lượng cần bổ sung
					Thạc sĩ	ĐH	CĐ	TC		
	GV Mĩ thuật	4	2			3	1			
	GV GDTC	5	3			5				
	GV Tiếng Anh	6	4			6				
	GV Tin học	4	4			4				
3	**NHÂN VIÊN**	**11**	**4**							
	Nhân viên Kế toán	1				1				
	Thủ quĩ	1	1				1			
	Nhân viên Y tế	3	2				3			
	Nhân viên Văn thư	2					2			
	Nhân viên thư viện	1	1				2			
	Nhân viên phục vụ	3					3		3	
CỘNG		**97**	**78**	**61**		**62**	**35**			

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, điểm trường

Năm 2022, trụ sở chính được công nhận lại chuẩn Quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng mức độ III, phân hiệu tiếp tục được công nhận lại là trường đạt chuẩn Quốc gia mức II, kiểm định chất lượng mức độ 3; Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Thân thiện; đảm bảo 1 phòng học/lớp, Phòng Tin học được trang bị đầy đủ thiết bị; Thư viện mức II.

Thiết bị dạy học: 55/55 (100%) các lớp có tivi kết nối Internet (55 tivi/55 lớp); 10/10 lớp 1, 11/11 lớp 4 được cấp một số thiết bị dạy học dùng chung theo Chương trình GDPT 2018; các lớp 2, 3, 5 sử dụng thiết bị Chương trình 2000 đã hỏng, thiếu.

Nội dung	Tổng	Điểm trường chính	Phân hiệu1	Phân hiệu 2	Ghi chú
Số phòng học	**55**	29	11	15	
Phòng tiếng Anh	**3**	2		1	
Phòng Âm nhạc	**3**	2		1	
Phòng Mĩ thuật	**3**	2		1	
Phòng Tin học	**6**	3	1	2	
Phòng Thư viện	**4**	2	1	1	
Phòng đa năng	**0**	0	0	0	
Phòng Truyền thống	**3**	2		1	
Nhà đa năng	**0**	0	0	0	
Phòng giáo viên	**0**	0	0	0	

Nội dung	Tổng	Điểm trường chính	Phân hiệu1	Phân hiệu 2	Ghi chú
Phòng Hiệu trưởng	**4**	2	1	1	
Phòng Hiệu phó	**4**	2	1	1	
Văn phòng	**3**	1	1	1	
Phòng Kế toán	**1**	1			
Kho	**0**	0	0	0	
Phòng Bảo vệ	**0**	0	0	0	
Phòng Y tế	**4**	2	1	1	
Nhà vệ sinh học sinh	**6**	3	1	2	
Nhà vệ sinh giáo viên	**6**	3	1	2	
Nhà để xe học sinh	**6**	3	1	2	
Nhà để xe giáo viên	**6**	3	1	2	
Ti vi	**61**	30	12	18	
Đèn chiếu Projector					
Diện tích đất	**31448 m^2**	14291 m^2	8210 m^2	8947 m^2	
Trong đó:					
Sân chơi, bãi tập		*5692m^2*	*500m^2*	*4770m^2*	

3. Kết quả dạy học và giáo dục năm học 2025-2026

3.1. Kết quả đánh giá chất lượng các môn học và Hoạt động GD

Theo phụ lục 2.1

3.2. Kết quả đánh giá năng lực, phẩm chất

Theo phụ lục 2.2

3.3. Kết quả các cuộc giao lưu

TT	Các cuộc thi, giao lưu	Đạt giải cấp tỉnh				Quốc gia				Tổng
		Nhất/ Vàng	Nhì/ Bạc	Ba/ Đồng	KK	Nhất/ Vàng	Nhì/ Bạc	Ba/ Đồng	KK	
1	Chữ viết Đúng và Đẹp		1	1						
2	Trạng nguyên Tiếng Việt	5	6	7						
	Vioedu	1	7	4						

3	Olympic tiếng Anh (IOE)	1	5	4						
4	Vẽ tranh Ngôi nhà mơ ước									
	Kĩ năng sống	4						1	1	
	Toán học VN	1	2	1						
5	TDTT			1	4					

3.4. Kết quả thi đua

Năm học 2025-2026, các nhà trường đều được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường Tiểu học Nghĩa Hải có 8 đồng chí đạt chiến sĩ thi đua, 8 đồng chí được UBND xã khen, Trường Tiểu học Nghĩa Hùng có 5 đồng chí đạt chiến sĩ thi đua, 6 đồng chí được UBND xã khen, Trường Tiểu học Nghĩa Lâm có 4 đồng chí đạt chiến sĩ thi đua, 5 đồng chí được UBND xã khen và 1 đồng chí được UBND Tỉnh tặng bằng khen. Cả ba trường có 91/91(100%) cán bộ, giáo viên, nhân viên được đánh giá Hoàn thành Tốt và Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học đảm bảo hoàn thành tốt Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học phù hợp với thực tiễn. 100% học sinh được học 2 buổi/ngày.

Phương pháp dạy học, cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Về phẩm chất và năng lực học sinh

Theo phụ lục…

2.2. Chỉ tiêu kết quả các môn học, hoạt động giáo dục

a) Chất lượng các bài tham gia khảo sát chung của cấp trên (nếu có)

- Trong mỗi bài của mỗi khối tham gia đều có 100% học sinh đạt điểm 5 trở lên, điểm giỏi 60% trở lên; điểm bình quân đạt 8,0 trở lên.

- Mỗi khối tham gia khảo sát xếp trong tốp 30 toàn tỉnh.

b) Điểm kiểm tra cuối năm học

Các môn đánh giá bằng điểm số đạt 1895/1895 =100% từ điểm 5 trở lên, sinh đạt điểm 9, 10. Cụ thể:

Lớp		K5		K4		K3		K2		K1	
		385		403				370		351	
Môn	**Điểm**	**TS**	**TL**	**TS**	**TL**	**TS**	**TL**	**TS**	**TL**	**TS**	**TL**
TV	9- 10	154	40.0	165	40.9			211	57.0	171	48.7
	7 - 8	167	43.4	155	38.5			130	35.1	120	34.2
	5 - 6	64	16.6	83	20.6			29	7.8	60	17.1
Toán	9- 10	129	33.5	163	40.4			229	61.9	175	49.9
	7 - 8	147	38.2	155	38.5			114	30.8	122	34.8
	5 - 6	109	28.3	85	21.1			27	7.3	54	15.4
Khoa học	9- 10	212	55.1	181	116.8						
	7 - 8	142	36.9	153	98.7						
	5 - 6	31	8.1	69	44.5						
LS&ĐL	9- 10	171	44.4	171	110.3						
	7 - 8	154	40.0	158	101.9						
	5 - 6	60	15.6	74	47.7						
Công nghệ	9- 10	237	61.6	22	5.5						
	7 - 8	119	30.9	9	2.2						
	5 - 6	29	7.5	372	92.3						

Chỉ tiêu điểm kiểm tra cuối năm học 2026-2027

c) Kết quả các hoạt động giáo dục

Theo phụ lục 2.1

2.3. Chỉ tiêu về hoàn thành chương trình lớp học, cấp học

- Có 1510 học sinh khối 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học đạt tỷ lệ 100%.

- Có 385 học sinh khối 5 hoàn thành chương trình Tiểu học đạt tỷ lệ 100%.

2.4. Chỉ tiêu kết quả các cuộc thi, giao lưu

a) Các cuộc thi giao lưu do Sở GD&ĐT chỉ đạo

Xếp thứ trong tốp 30 toàn tỉnh.

b) Các cuộc thi tự do

Khuyến khích học sinh tham gia trên tinh thần tự nguyện, tự giác, được sự

cho phép của gia đình, nhà trường và giáo viên không được ép buộc.

2.5. Nâng cao chất lượng phong trào rèn phát âm, viết chữ đúng và đẹp

Các lớp chỉ tiêu đạt từ 70% loại A trở lên. Tham gia đội tuyển chữ viết đẹp của Tỉnh đều lọt vào vòng chung kết và đạt giải.

2.6. Các hoạt động giáo dục khác

Có 1895/1895 đạt 100% HS được học tiết đọc thư viện (2 tiết/tuần khối lớp 3,4,5, 1 tiết/tuần với khối 1,2)

Có 1895/1895 đạt 100% HS được học Kỹ năng sống trong thời gian sau giờ học chính thức với thời lượng 2 hoạt động/tuần (nếu học sinh có nhu cầu và được gia đình cho phép). Tổ chức các Câu lạc bộ để học sinh tham gia (TDTT, Nghệ thuật, Tiếng Anh, STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo AI), thời gian tham gia sau giờ học chính thức.

Có 1895/1895 đạt 100% HS tham gia các hoạt động giáo dục tập thể.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

1.1. Bình quân số tiết/tuần của các khối, lớp

TT	Môn học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		TT 32	Tăng thêm	TT 32	Tăng thêm	TT 32	Tăng thêm	TT 32	Tăng thêm	TT 32	Tăng thêm	
I	**Các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc**											
1	TV	12		10		7		7		7		
2	Toán	3		5		5		5		5		
3	Đạo đức	1		1		1		1		1		
4	TNXH	2		2		2						
5	Khoa học							2		2		
6	LS-ĐL							2		2		
7	Âm nhạc	1		1		1		1		1		
8	Mĩ thuật	1		1		1		1		1		
9	GDTC	2		2		2		2		2		
10	T. Anh					4		4		4		
11	Tin học - CN				1	2		2		2		
12	HĐTN	3		3		3		3		3		
II	**Hoạt động củng cố, tăng cường**											
1	Ôn tập, đọc thư viện		6 7		5		4		2		2	trường chính phân hiệu
Tổng		25	7	25	7	28	4	30	2	30	2	

TT	Môn học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		TT 32	Tăng thêm	TT 32	Tăng thêm	TT 32	Tăng thêm	TT 32	Tăng thêm	TT 32	Tăng thêm	
Tổng chung/tuần		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		

1.2. Bình quân số tiết/năm của các khối, lớp

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		TS	HK1	HK2	TS	HK1	HK2	TS	HK1	HK2	TS	HK1	HK2	TS	HK 1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	TV	420	215	205	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TNXH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Khoa học										70	36	34	70	36	34
6	LS-ĐL										70	36	34	70	36	34
7	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
11	T.Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
12	Tin học - CN							70	36	34	70	36	34	70	36	34
Cộng		**875**	**450**	**425**	**875**	**450**	**425**	**980**	**504**	**476**	**1050**	**540**	**510**	**1050**	**540**	**510**
Cộng		**35**	**18**	**17**	**70**	**36**	**34**									
II. Hoạt động củng cố, tăng cường																
1	Củng cố luyện tập	255	121	134	185	89	96	144	70	74	68	28	40	66	34	32
2	Tiết đọc thư viện	4	2	2	4	2	2	4	2	2	4	2	2	4	2	2
Cộng		**259**	**123**	**136**	**189**	**91**	**98**	**148**	**72**	**78**	**72**	**30**	**42**	**70**	**36**	**34**
TỔNG		**1.134**	**573**	**561**	**1.134**	**577**	**557**	**1.128**	**576**	**552**	**1.122**	**570**	**552**	**1.120**	**576**	**544**

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động trải nghiệm thực hiện trong tiết sinh hoạt dưới cờ

Các HĐ trong tiết sinh hoạt dưới cờ chung cho cả 5 khối.

Theo phụ lục hoạt động ngoài giờ lên lớp

2.2. Các hoạt động giáo dục tập thể theo chủ điểm thực hiện trong năm học

Theo phụ lục hoạt động ngoài giờ lên lớp

2.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Giáo dục kĩ năng sống	Giáo dục các kĩ năng sống cần thiết cho học sinh	Học sinh / lớp	2 hoạt động/ tuần	Lớp học/ ngoài không gian lớp học	
2	Câu lạc bộ	Phát triển một sở trường cho học sinh	Học sinh/ lớp, khối	Theo tính chất từng CLB	Lớp học, phòng chức năng, ngoài không gian lớp học	

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2026-2027

3.1. Khung thời gian năm học

Thực hiện theo Quyết định số 3032/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình.

TT	Công việc	Thời gian
1	Ngày tựu trường	03/8/2026 Riêng đối với lớp 1 từ ngày 27/8/2026
2	Ngày khai giảng	05/9/2026
3	Ngày bắt đầu học kỳ I	05/9/2026
4	Ngày kết thúc học kỳ I	Trước 18/01/2027
5	Ngày bắt đầu học kỳ II	18/01/2027
6	Ngày kết thúc học kỳ II	Trước 28/5/2027
7	Ngày kết thúc năm học	Trước 31/5/2027
8	Xét HT CTTH	Trước 30/6/2027
9	Hoàn thành tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2027-2028	Trước 31/7/2027

3.2. Thời gian biểu

- Thời gian học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học tự chọn và các hoạt động củng cố, tăng cường: Mỗi ngày học 7 tiết (buổi sáng 4 tiết, buổi chiều 3 tiết).

- Thời gian tổ chức các hoạt động sau giờ học chính thức (nếu có): Mỗi ngày học 1 tiết (vào tiết 4 các buổi chiều).

- Thời lượng mỗi tiết học: 35 phút.

a) Mùa hè

Thời gian buổi sáng		**Thời gian buổi chiều**	
Thời gian	**Nội dung**	**Thời gian**	**Nội dung**
07h00 - 07h15	Hoạt động tập thể		
07h15 - 07h50	Tiết 1	14h00 - 14h35	Tiết 1
07h55 - 08h30	Tiết 2	14h40 - 15h15	Tiết 2
08h30 - 09h	Ra chơi	15h15 - 15h35	Ra chơi
09h - 09h 35	Tiết 3	15h40 - 16h15	Tiết 3
09h40 - 10h20	Tiết 4	16h20 - 16h55	Tiết 4 (KNS)
10h20	K1, 2 ra về	16h55	K1, 2 ra về
10h25	K3, 4, 5 ra về	17h00	K3, 4, 5 ra về

b) Mùa đông

Thời gian buổi sáng		**Thời gian buổi chiều**	
Thời gian	**Nội dung**	**Thời gian**	**Nội dung**
07h15 - 07h25	Hoạt động tập thể		
07h25 - 08h05	Tiết 1	13h45 - 14h20	Tiết 1
08h10 - 08h45	Tiết 2	14h25 - 15h00	Tiết 2
08h45 - 09h15	Ra chơi	15h00 - 15h20	Ra chơi
09h20 - 10h5	Tiết 3	15h25 - 16h00	Tiết 3
10h10 - 10h45	Tiết 4	16h05 - 16h40	Tiết 4(KNS)
10h45	K1, 2 ra về	16h40	K1, 2 ra về
10h50	K3, 4, 5 ra về	16h45	K3, 4, 5 ra về

4. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Theo phụ lục 3.1

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Rà soát, sửa chữa CSVC, bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu; tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học đã được đầu tư.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch vận động, tiếp nhận tài trợ theo Thông tư 16 để

bổ sung cơ sở vật chất cho các phòng học.

Vận động cha mẹ học sinh mua sắm đủ đồ dùng học tập cá nhân cho con.

Tham mưu UBND xã cấp bổ sung ngân sách mua sắm thiết bị dùng chung đối với lớp 1, 2, 3, 5, tiếp nhận, bảo quản, sử dụng có hiệu quả thiết bị.

Duy trì tốt hệ thống đường truyền Internet tới các phòng học.

Bổ sung 100 đầu sách, 300 cuốn sách cho thư viện trường (khoảng 2% kinh phí chi hoạt động thường xuyên).

Tổ chức cho cán bộ giáo viên, khuyến khích học sinh, cha mẹ học sinh cùng làm đồ dùng dạy học.

Phối hợp với ban đại diện CMHS ủng hộ tự nguyện về kinh phí, công sức, cây cảnh, trang trí lớp học,…. tạo cảnh quan trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn phục vụ cho việc thực hiện chương trình, trong đó tổ chức dạy học ngoài không gian lớp học được thuận lợi.

Tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh.

2. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp,…)

Rà soát đội ngũ giáo viên về số lượng, cơ cấu, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, … Phân loại đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

Tiếp tục phát huy sức mạnh tập thể, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tự giác, trách nhiệm của tất cả các thành viên trong mọi công việc, mọi hoạt động.

Tiếp tục giúp giáo viên có nhận thức đúng đắn về vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ, … của bản thân trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, từ đó tự giác, tích cực trong việc tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn.

Tổ chức các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên môn để bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, đặc biệt là về phương pháp giảng dạy hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.Phân công, giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, đúng người, đúng việc nhằm phát huy tối đa năng lực, sở trường của mỗi thành viên.

Tổ chức cho cán bộ, giáo viên học tập nắm vững nhiệm vụ năm học.

Giao quyền chủ động trong việc thực hiện chương trình, điều chỉnh nội dung dạy học cho phù hợp với đối tượng học sinh, chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, kế hoạch môn học.

Bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, GV, NV về dạy học và

kiểm tra đánh giá theo chương trình, về dạy học tích cực, về xây dựng trường học hạnh phúc và năng lực về CNTT đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Xây dựng các tiêu chí thi đua, đánh giá kết quả thi đua dân chủ, khách quan, chính xác, công khai động viên được đội ngũ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tạo động lực để GV phấn đấu vươn lên. Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên đi học nâng chuẩn giai đoạn 2025-2030.

*** Phân công chuyên môn:**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Phân công nhiệm vụ (dạy môn, lớp..)	Chức danh	Số tiết dạy (không tính các tiết Chủ nhiệm)	Số tiết tăng cường +đọc TV (không tính các tiết Chủ nhiệm)
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/03/1971	Phụ trách chung Luyện Toán, luyện TV 5A1, 5A2	**Hiệu trưởng-Thành viên Tổ 5**	2 tiết	
2	Trần Văn Chiến	24/02/1973	Phụ trách khối 1;2;3; Tổ GDTC+ NT. Kế hoạch giáo dục; SHCM; Tuyển sinh đầu cấp hoạt động giáo dục; Kĩ năng sống. HĐNGLL, công tác truyền thông; công tác an toàn trường học. Hồ sơ giáo viên, học sinh. Luyện Toán, TV 2B2, 2B3	**Phó HT-thành viên tổ 1**	04 tiết	
3	Lại Thanh Hải	03/05/1970	Phụ trách khối 4;5.Tổ Tin học+TA; Kiểm tra, đánh giá; chất lượng; cuối cấp; CNTT/CĐS; BDTX; học bạ số; GD địa phương. Luyện Toán, TV 4C2	**Phó HT-thành viên tổ 4**	04 tiết	
4	Đoàn Thị Thanh Hương	07/12/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 1 B1	**Tổ trưởng tổ 1**	21	6
5	Ngô Thị Thu	18/08/1990	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 1 A2	**Tổ phó tổ 1**	19	6
6	Vũ Thị Hoa	22/02/1976	CN và dạy các môn Toán; TV; HĐTN lớp 1C1	Tổ 1	18 tiết	7

7	Lê Thị Lành	04/10/1989	CN và dạy các môn Toán; TV; HĐTN lớp 1C2	Tổ 1	18 tiết	7
8	Trần Thị Thoa	12/5/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 1B2	Tổ 1	21	6
9	Nguyễn Thị Liên	04/02/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 1 B3	Tổ 1	21	6
10	Lê Thị Thu	04/10/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 1 A3	Tổ 1	19	6
11	Trần Thị Phượng	06/08/1971	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 1 A4	Tổ 1	19	6
12	Trần Thị Huyền	14/04/1972	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 1 A5	Tổ 1	19	6
13	Nguyễn Thị Thu	26/10/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 1 A1	Tổ 1	19	6
14	Vũ Thị Khuyên	05/03/1973	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 2A5	**Tổ trưởng tổ 2**	19	4
15	Đoàn Thị Khiêm	11/10/1991	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 2A2	**Tổ phó tổ 2**	19	4
16	Chu Thị Thanh Thủy	29/09/1974	CN và dạy các môn Toán; TV; Đạo đức; HĐTN lớp 2C3	Tổ 2	19 tiết	4
17	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	03/02/1972	CN và dạy các môn Toán; TV; Đạo đức; HĐTN lớp 2C1	Tổ 2	19 tiết	4
18	Lại Thị Kiều Diễm	26/02/2003	CN và dạy các môn Toán; TV; Đạo đức; HĐTN lớp 2C2	Tổ 2	19 tiết	4
19	Phạm Thị Linh Nhâm	16/09/1976	CN và dạy các môn Toán; TV; Đạo đức; HĐTN lớp 2B2	Tổ 2	21	6
20	Phạm Thị Vân	29/09/1974	CN và dạy các môn Toán; TV; Đạo đức; HĐTN lớp 2B1	Tổ 2	21	6
21	Vũ Thị Thủy	12/02/1972	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 2A4	Tổ 2	19	5

22	Phạm Thị Hồng Thái	04/06/1973	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 2A1	Tổ 2	19	5
23	Trịnh Thị Phương	03/07/1975	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 2A3	Tổ 2	19	5
24	Phạm Thị Thu Hoài	20/10/1972	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 2A6	Tổ 2	19	5
25	Nguyễn Văn Đạt	16/3/1977	Chủ nhiệm Lớp 3C1; Dạy môn Toán Lớp 3C1, 3C2; HĐTN Lớp 3C1;	**Tổ trưởng tổ 3**	13	13
26	Vũ Thị Chiên	05/12/1975	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 3A2	**Tổ phó Tổ 3**	18	4
27	Phạm Thị Thu	28/10/1990		Tổ 3	Đang ở tổ CM 4	
28	Lê Thị Mậu	02/01/1971	"Chủ nhiệm Lớp 3C2; Dạy môn Tiếng Việt Lớp 3C1, 3C2; HĐTN ; Đạo đức lớp 3C2 "	Tổ 3	18	4
29	Vũ Thị Hằng	20/08/1970	Chủ nhiệm lớp 3B1, dạy các môn Toán, TV, TNXH, Đạo đức, HĐTN	Tổ 3	22	4
30	Trần Thị Thu	27/03/1973	Chủ nhiệm lớp 3B2, dạy các môn Toán, TV, TNXH, Đạo đức, HĐTN	Tổ 3	22	4
31	Trần Thị Minh Hoài	1969	Chủ nhiệm lớp 3B3, dạy các môn Toán, TV, TNXH, Đạo đức, HĐTN	Tổ 3	22	4
32	Trần Thị Thanh	14/02/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 3A4	Tổ 3	18	4
33	Phạm Thị Duyên	23/08/1990	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 3A5	Tổ 3	18	4
34	Phạm Thị Hòa	23/09/1970	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 3A6	Tổ 3	18	4
35	Phạm Thị Len	15/12/1975	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 3A3	Tổ 3	18	4

36	Vũ Thị Ngần(HĐ)	27/04/1966	CN và dạy các môn Toán; TV;TNXH; Đạo đức; HĐTN lớp 3A1	Tổ 3	18	4
37	Trần Thị Kiều Diệu	22/04/1974	CN và dạy các môn Toán; TV; Khoa; HĐTN lớp 4C1	**Tổ trưởng tổ 4**	14 tiết	2
38	Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/05/1993	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 4A1	**Tổ phó Tổ 4**	19	2
39	Phạm Thị Thu	28/10/1990	CN và dạy các môn Toán; TV; Khoa; HĐTN lớp 4C2	Tổ 4	17 tiết	2
40	Trần Thị Hằng	17/10/1980	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN , CN,lớp 4B3	Tổ 4	21	2
41	Trần Thị Son	28/03/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN , CN,lớp 4B2	Tổ 4	21	2
42	Đinh Thị Chuyên	21/02/1972	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN , CN,lớp 4B1	Tổ 4	21	2
43	Nguyễn Thị Thanh	07/04/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 4A6	Tổ 4	19	2
44	Lại Thị Phượng	29/09/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 4A4	Tổ 4	19	2
45	Vũ Thị Ánh	01/06/1975	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 4A2	Tổ 4	19	2
46	Đặng Thúy Kiều	12/03/1994	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 4A3	Tổ 4	19	2
47	Phạm Thị Hằng	28/10/1971	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 4A5	Tổ 4	19	2
48	Ngô Thị Thu Hiền	15/12/1973	Luyện Toán, Luyện TV 5B1, 5B2, 5B3, 4B1, 4B2, 4B3	**Tổ trưởng tổ 5**	12	4
49	Vũ Thị Tinh	25/04/1994	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN, CN lớp 5B3	**Tổ phó Tổ 5**	21	2
50	Nguyễn Thị Quy	15/03/1985	CN và dạy các môn Toán; TV; Khoa; Đạo đức; HĐTN; lớp 5C1	Tổ 5	18	2

51	Nguyễn Thị Yến	08/11/1988	CN và dạy các môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Đạo đức, HĐTN lớp 5C2	Tổ 5	18	2
52	Trần Thị Hạnh	10/05/1971	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN , CN,lớp 5B 1	Tổ 5	21	2
53	Phạm Thị Chinh	01/11/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN , CN,lớp 5B 2	Tổ 5	21	2
54	Lê Thị Ngọc Lan	07/11/1980	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 5A3	Tổ 5	20	2
55	Phạm Thị Hồng	21/11/1975	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 5A1	Tổ 5	20	2
56	Trần Thị Kiều Oanh	29/11/1975	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 5A2	Tổ 5	20	2
57	Lê Thị Thanh Châm	13/08/1974	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 5A6	Tổ 5	20	2
58	Ngô Mai Sen	21/10/1972	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 5A5	Tổ 5	20	2
59	Lương Thị Đào	21/07/1972	CN và dạy các môn Toán; TV;LS,ĐL; Khoa; Đạo đức; HĐTN lớp 5A4	Tổ 5	20	2
60	Ngô Văn Phong	04/01/1976	T.Anh 2C1,2c2,2C3,3C1,3C2; 3A4, 3A5	Tổ Tin+ T.Anh	22	4
61	Bùi Thị Dinh	25/05/1995	Tiếng Anh lớp 4C1,4C2,5C1,5C2; 4A5,4A6	Tổ Tin+ T.Anh	24	
62	Phạm Đức Nhẫn	18/02/1976	T.Anh lớp 3A1, 3A3, 4B1, 4B2, 4B3, 5B3	Tổ Tin+ T.Anh	24	
63	Phạm Thị Kiều Oanh	12/09/1990	T.Anh 5B1, 5B2, 3B1, 3B2, 3B3	Tổ Tin+ T.Anh	20	
64	Nguyễn Thị Trinh	22/04/1996	T.Anh 3A2, 3A6, 4A1, 4A2, 4A3, 4A4	Tổ Tin+ T.Anh	24	
65	Đồng Thị Dung	05/03/1994	T.Anh 5A1, 5A2, 5A3, 5A4, 5A5, 5A6	Tổ Tin+ T.Anh	24	
66	Phan Thị Liên	03/03/1987	Dạy Tin học K2,3,4,5, công nghệ K3,4,5, phụ trách thư viện phân hiệu 1	Tổ Tin+ T.Anh	15	

67	Nguyễn Thị Thúy	12/05/1988	Tin học lớp 2B1, 2B2, 2B3; 3B1, 3B2, 3B3, 4B1, 4B2, 4B3, 5B1, 5B2, 5B3. Công nghệ lớp 3B1, 3B2, 3B3, 4B1, 4B2, 4B3, 5B1, 5B2, 5B3	**TP tổ Tin + T.Anh**	21	
68	Doãn Thị Hoa	08/04/1978	Tin học lớp 2A4, 2A5, 3A4, 3A5, 4A5, 4A6, 5A5, 5A6 CN lớp 4A1, 4A2, 4A3, 4A4, 4A5, 4A6; Đọc TV 1A3, 1A4, 2A1, 2A2, 2A3, 2A4, 2A5	Tổ Tin+ T.Anh	21	
69	Nguyễn Thị Hương	20/05/1994	Tin học lớp 2A1, 2A2, 2A3, 2A6; 3A1, 3A2, 3A3, 3A6; 4A1, 4A2, 4A3, 4A4; 5A1, 5A2, 5A3, 5A4; Đạo Đức: 1A5, 2A6	**TT tổ Tin + T.Anh**	18	1 (SHDC)
70	Trần Văn Hưng	26/12/1975	- Dạy Đạo đức khối 1,3,4 và TNXH khối 1,2,3 - Đầu mối CSVC phân hiệu I	Tổ Tin+ T.Anh	14	
71	Nguyễn Thị Na	07/02/1982	- Âm nhạc - Phụ trách HĐ Đội , văn nghệ phân hiệu I	Tổ NT+ GDTC	11	1 (SHDC)
72	Hoàng Thị Ngọc	20/06/1988	Âm nhạc 1B1, 1B2, 1B3, 2B1,2B2,2B3,3B1,3B22,3B3,4B1,4B2,4B3,5B1,5B2,5B3. Đọc thư viện 1B1, 1B2, 1B3	Tổ NT+ GDTC	18	1 (SHDC)
73	Trần Thị Thơm	15/09/1982	Âm nhạc lớp 1A1, 1A2, 1A5; 2A1, 2A2, 2A3, 2A6, 3A6	Tổ NT+ GDTC	8	
74	Trần Văn Hòa	02/05/1976	Âm nhạc lớp 1A3, 1A4, 2A4, 2A5, 3A1, 3A2, 3A3, 3A4, 3A5; 4A1, 4A2, 4A3, 4A4, 4A5, 4A6; 5A1; 5A2; 5A3; 5A4; 5A5; 5A6	Tổ NT+ GDTC	21	
75	Đoàn Thị Miền	25/06/1991	Dạy Mĩ thuật khối 1,2,3,4,5; LS-ĐL khối 4,5	Tổ NT+ GDTC	19	
76	Lại Thị Yến	20/07/1983	Mĩ thuật 1B1, 1B2, 1B3, 2B1,2B2,2B3,3B1,3B22,3B3,4B1,4B2,4B3,5B1,5B2,5B3, Đọc thư viện 2B1, 2B2, 2B3	Tổ NT+ GDTC	18	

77	Vũ Văn Thơ	04/12/1987	Mĩ thuật lớp 1A3, 1A4, 1A5; 2A4, 2A5, 2A6; 3A4, 3A5, 3A6; 4A5, 4A6; 5A5, 5A6 . Đạo đức: 1A3, 1A4; 2A4, 2A5; Đọc thư viện: 1A5, 2A6	**TT tổ NT+ GDTC**	19	1 (SHDC)
78	Triệu Quang Anh	07/10/1983	Mĩ thuật: 1A1, 1A2, 2A1, 2A2, 2A3, 3A1, 3A2, 3A3, 4A1, 4A2, 4A3, 4A4, 5A1, 5A2, 5A3, 5A4; Đạo đức: 1A1, 1A2, 2A1, 2A2, 2A3; Đọc thư viện: 1A1, 1A2	Tổ NT+ GDTC	23	
79	Phạm Thị Hồng Vân	13/04/1990	GDTC 5 khối = 11 lớp	Tổ NT+ GDTC	22	
80	Hà Quang Dự	23/05/2001	GDTC: 1A3, 1A4, 2A4, 2A5, 3A4, 3A5, 2B1, 2B3, 1B1, 1B2, 1B3	Tổ NT+ GDTC	20	
81	Trần Văn Hưởng	25/12/1994	GDTC 5B1, 5B2,5B3, 4B1,4B2,4B3, 3B1, 3B2, 3B3, 2B2,	**TP tổ NT+ GDTC**	22	1 (SHDC)
82	Trần Kim Oanh	09/08/1990	GDTC: 1A5, 2A3, 2A6, 3A1, 3A2, 3A3, 3A6, 4A1, 4A2, 4A3, 4A4	Tổ NT+ GDTC	22	
83	Nguyễn Thị Thắm	01/01/1990	GDTC: 1A1, 1A2, 2A1, 2A2, 4A5, 4A6, 5A1, 5A2, 5A3, 5A4, 5A5, 5A6	Tổ NT+ GDTC	24	
84	Nguyễn Văn Tiệp	07/07/1965	Thư viện	Tổ VP		
85	Phạm Thanh Xuân	31/05/1974	Văn thư	**Tổ phó tổ VP**		
86	Đinh Đăng Ninh	23/05/1972	Kế toán	**Tổ trưởng tổ VP**		
87	Trần Thị Nhạn	16/06/1989	Thủ quỹ	Tổ VP		
88	Nguyễn Thị Đượm	24/01/1983	Y tế	Tổ VP		
89	Đoàn Xuân Tín	12/11/1989	Y tế	Tổ VP		
90	Cao Tuấn Tú	09/02/1970	Kế toán	Tổ VP		
91	Nguyễn Thị Hồng Lĩnh	02/12/1981	Y tế	Tổ VP		
92	Nguyễn Thị Hà(HĐ)	27/09/1984	Phục vụ	Tổ VP		
93	Trần Thị Sen(HĐ)	02/12/1981	Phục vụ	Tổ VP		

94	Lại Thị Nguyệt(HĐ)	05/10/1985	Thư viện	Tổ VP		
95	Phạm Thị Miến(HĐ)	1968	CN và dạy các môn Toán; TV; Đạo đức; HĐTN lớp 2B2	Tổ 2	21	4

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục, trong đó thường xuyên báo cáo về thường trực Đảng, HĐND, UBND xã, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục, đặc biệt việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Tổ chức và định hướng truyền thông, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của Ngành đến được từng cán bộ, giáo viên trong cơ sở giáo dục.

Đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của lớp, trường, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Tích cực đẩy mạnh công tác tham mưu, tuyên truyền để cấp uỷ đảng, chính quyền xã, các ban ngành, đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân hiểu về giáo dục và ủng hộ giáo dục.

4. Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Phối hợp với ban đại diện CMHS, các tổ chức chính trị, XH tham gia hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường cho HS.

Thực hiện tốt nội dung liên kết giữa nhà trường với các chi hội khuyến học trong xã để nâng cao chất lượng giáo dục. Thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với CMHS để nắm bắt kịp thời tình hình học tập và sinh hoạt của học sinh.

Tăng cường hợp tác với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ các chương trình giáo dục và phát triển học sinh.

5. Công tác tài chính

Tham mưu và trình UBND xã để tham mưu về cấp trên cấp kinh phí để chi trả cho các tiết giáo viên thực hiện nhiều hơn so với định mức quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ GD&ĐT quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học; mua sắm đồ dùng dạy học theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công thực hiện

1.1. Đối với Hiệu trưởng

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền và thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ.

Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

Chỉ đạo xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường. Phụ trách công tác thi đua trong giáo viên và học sinh. Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

Phụ trách công tác tổ chức, phân công lao động. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các khối thực hiện đầy đủ nội dung chương trình GDPT 2018, tổ chức kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những ngữ liệu trong SGK cho phù hợp đặc thù của địa phương và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

1.2. Đối với Phó Hiệu trưởng 1: Trần Văn Chiến

Phụ trách địa bàn Cụm 1: Gồm Phân hiệu 2 (Thôn Văn Giáo) gồm 10 lớp và Điểm trường 3 (Thôn Sĩ Lâm) gồm 5 lớp; tổng 15 lớp.

Chủ trì công tác tổ chức thực hiện chương trình giáo dục; kế hoạch giáo dục nhà trường; thời khóa biểu; nền nếp dạy học; sinh hoạt chuyên môn; nghiên cứu bài học; chuyên đề; hoạt động trải nghiệm, Hoạt động NGLL; KNS; Công tác truyền thông ; công tác an toàn trường học , Hồ sơ Giáo viên, học sinh và các nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao.

Phụ trách trực tiếp các khối 1, 2, 3; Tổ GDTC+ Nghệ thuật; Theo dõi chất lượng giáo dục các khối lớp được giao; phối hợp với đc Lại Thanh Hải trong các nhiệm vụ liên khối.

Trực tiếp theo dõi nền nếp, chuyên cần, an toàn, vệ sinh, cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ và học sinh tại 02 cơ sở thuộc Phân hiệu 2

Chủ trì tổng hợp tình hình chuyên môn và địa bàn Cụm 1, báo cáo Hiệu trưởng.

1. 3. Phân công Phó Hiệu trưởng 2: ĐC Lại Thanh Hải

Phụ trách địa bàn Cụm 2: Phân hiệu 1(Thôn Văn Lâm): 11 lớp.

Chủ trì công tác kiểm tra, đánh giá; khảo sát chất lượng; phân tích kết quả; kiểm tra nội bộ; theo dõi khắc phục sau kiểm tra; công tác khối 4, khối 5 và các nhiệm vụ cuối cấp; phụ trách tổ Tin+ Tiếng Anh;

Chủ trì CNTT, chuyển đổi số, CSDL ngành, học bạ số, hồ sơ; BDTX và báo cáo điện tử; Bồi dưỡng thường xuyên; Giáo dục địa phương; Phối hợp triển khai thống nhất tại 06 cơ sở.

Trực tiếp theo dõi nền nếp, chuyên cần, an toàn, vệ sinh, cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ và học sinh tại cơ sở thuộc Cụm 2.

Chủ trì tổng hợp tình hình chất lượng, CNTT và địa bàn Cụm 2, báo cáo Hiệu trưởng.

1.4. Nhiệm vụ phối hợp chung của 02 PHT

Hai PHT cùng chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động thống nhất của 06 cơ sở; không chỉ đạo chồng chéo hoặc trái với phân công của Hiệu trưởng.

Đối với nhiệm vụ liên quan nhiều cơ sở, PHT phụ trách lĩnh vực làm đầu mối, PHT phụ trách địa bàn phối hợp.

Khi Hiệu trưởng vắng mặt, PHT thực hiện nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao hoặc ủy quyền; không mặc nhiên thay thế toàn bộ thẩm quyền của Hiệu trưởng nếu chưa có ủy quyền.

Đối với vấn đề vượt thẩm quyền, có nguy cơ ảnh hưởng an toàn học sinh hoặc liên quan nhân sự, tài chính, tài sản lớn, phải báo ngay Hiệu trưởng.

Chỉ đạo trực tiếp các khối thực hiện chương trình GDPT 2018.

Thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/tuần với 32 tiết cho tất cả các khối lớp (chưa bao gồm các tiết sau giờ học chính thức). Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho HS.

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, các phần mềm, học liệu điện tử,… liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Xây dựng các hoạt động NGLL, HĐ trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS nhận thức chậm và các hoạt động và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học các môn học, HĐGD của tổ.

Chỉ đạo SHCM theo nghiên cứu bài học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về đổi mới phương pháp dạy học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

1.5. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD của tổ chuyên môn.

Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định, tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình lớp học theo CT GDPT 2018.

Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, chia sẻ, rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng GV trong tổ.

Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.

Tổng hợp chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

1.6. Đối với giáo viên

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.

Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

Phối hợp với nhà trường, Liên đội tham gia các hoạt động NGLL, HĐTN trong và ngoài nhà trường.

Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng do các cấp tổ chức.

Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

1.7. Đối với Tổng phụ trách Đội

Phối hợp với Phó Hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các HĐNGLL, HĐ tập thể theo chủ đề, HĐTN, HĐ Đội, Sao. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các HĐNGLL, HĐ tập thể theo chủ đề, HĐTN, HĐ Đội, Sao cho HS để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, thời gian, địa điểm thực hiện, các hoạt động cụ thể, các lực lượng tham gia,…

Thành lập các ban của Liên đội, Hội đồng tự quản, Đội Sao đỏ,… để tổ chức có nền nếp các hoạt động của nhà trường.

Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

Theo dõi chung các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phát động và tổng kết các phong trào thi đua. Phụ trách đội nghi thức, nội dung bảng tin, múa hát tập thể, đội văn nghệ, dự giờ sinh hoạt lớp, Đội Sao đỏ,...

1.8. Đối với nhân viên phụ trách Thư viện, Thiết bị

Quản lý mọi hoạt động của thư viện theo yêu cầu của thư viện thân thiện và dự án thư viện Room to Read. Quản lý chặt chẽ các thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động của thư viện, sử dụng thiết bị dạy học.

Kết hợp với GVCN tổ chức cho các tiết học, tiết đọc tại thư viện trường (hoặc thư viện lớp nếu có đủ điều kiện và phù hợp với nội dung tiết học); thực hiện luân chuyển sách các lớp, phân công GV hỗ trợ công tác thư viện: Lập và cập nhật thông tin các loại hồ sơ sổ sách quản lý hoạt động thư viện, quản lý sử dụng thiết bị.

Khuyến khích HS tích cực tham gia các hoạt động đọc sách, mượn trả sách tại thư viện, thuyết trình về sách, giới thiệu sách, diễn tiểu phẩm sân khấu hóa các tác phẩm văn học,….

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách (thời gian, địa điểm, hình thức tổ chức, các hoạt động cụ thể,…) đảm bảo hiệu quả hoạt động.

1.9. Nhân viên phụ trách công tác Văn thư, Kế toán, Y tế học đường

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của văn thư, kế toán trường học; Tham mưu kịp thời với Hiệu trưởng công tác tài chính, việc mua sắm các trang thiết bị phục vụ việc dạy và học; Thực hiện lưu trữ đầy đủ các công văn, kế hoạch, thông tư, chỉ thị… chỉ đạo của các cấp trên theo quy định.

Xây dựng kế hoạch hoạt động y tế trong năm học đảm bảo vừa dạy học vừa phòng chống dịch theo mùa; Xây dựng kế hoạch mua sắm các trang thiết bị y tế, các loại thuốc phục vụ cho việc hỗ trợ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh; Triển khai tuyên truyền đến học sinh các bệnh thường gặp và cách phòng tránh bệnh học đường.

2. Công tác kiểm tra, giám sát

Kiểm tra chuyên môn: Theo kế hoạch tháng.

Kiểm tra hoạt động dạy học kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Thực hiện xuyên suốt trong cả năm học; đánh giá xếp loại vào cuối tháng 5/2027.

Kiểm tra nội bộ: Theo kế hoạch.

Kiểm tra chuyên đề: Theo kế hoạch tháng.

Kiểm tra, đánh giá các hoạt động GDNGLL, HĐTN, HĐ tập thể theo chủ đề: Theo kế hoạch tháng.

3. Chế độ báo cáo

Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới.

Sơ kết từng học kỳ.

Tổng kết chuyên môn.

Báo cáo theo yêu cầu của ngành.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2026-2027 của trường Tiểu học Nghĩa Lâm được xây dựng trên cơ sở kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD của các khối. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì liên hệ trực tiếp Hiệu trưởng để thống nhất và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT Ninh Bình (để b/c);
- Phòng VH-XH xã (để b/c);
- HT, PHT, các TTCM, GV (để thực hiện);
- Ban đại diện cha mẹ HS;
- Lưu: VT,

THNL.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hiển